

Bản án số: 1170/2017/DS-PT
Ngày: 20-12-2017
Vụ Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Đình Đức

2/ Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 247/2017/DS – ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2609/2017/QĐPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6099/2017/QĐ-PT ngày 08/12/2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tân D, sinh năm 1955

Địa chỉ: 41/16 DC, Phường A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Phước H, sinh năm 1965 – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 232/7B NT, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Mỹ E, sinh năm 1953

Địa chỉ: 0.06 Lô B Chung cư VH, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Cao Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 55 (tầng trệt) ND, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tsani Quốc K, sinh năm 1979

Địa chỉ: 0.06 Lô B Chung cư VH, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Cao Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 55 (tầng trệt) ND, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người đại diện hợp pháp của các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2016 của nguyên đơn và lời khai của người đại diện hợp pháp nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Năm 2015, bà Lâm Mỹ E có nợ bà Lê Thị Tân D số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Sau đó, bà E bỏ đi khỏi nơi cư trú nên ngày 11/10/2015 ông Tsani Quốc K, con bà E gặp bà D để yêu cầu bà D nhận lại số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và xóa nợ cho bà E. Vì cần tiền để trả nợ cho các chủ nợ khác và không biết tung tích bà E ở đâu nên bà D phải chấp nhận yêu cầu của ông K.

Ngày 15/10/2015 ông K đã trả cho bà D số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và buộc bà D phải ký vào biên bản thanh toán đã nhận đủ số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) để xóa nợ cho bà E. Sau khi bà D ký xác nhận xong thì bà E lại quay về nơi cư trú. Thấy vậy bà D đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G để yêu cầu bà E thanh toán tiếp số tiền nợ còn lại là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Tại buổi làm việc ngày 13/6/2016, bà E đã thừa nhận có nợ bà D 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và cũng xác nhận việc ông K đã trả cho bà D số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và bà E còn nợ bà D là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Do đó, bà Lê Thị Tân D đề nghị Tòa án buộc bà Lâm Mỹ E phải trả hết một lần cho bà D số tiền là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà D xác định bà chỉ khởi kiện đòi nợ bà E, vì số nợ trên là nợ riêng giữa bà D và bà E không liên quan gì đến chồng bà D là ông Nguyễn Phi M và chồng bà E (bà D không biết rõ là ai) nên bà D yêu cầu Tòa không triệu tập ông M và chồng bà E vào tham gia tố tụng trong vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai và lời khai của người đại diện hợp pháp bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Bà Lâm Mỹ E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì việc bà Lê Thị Tân D ký nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ông K (con bà E) và đồng ý xóa số nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) mà bà E nợ bà D đã được thể hiện tại biên bản xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015 là do bà D hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên bà E không đồng ý việc bà D tiếp tục đòi nợ nói trên.

Chồng bà E là ông Tsani J không liên quan gì đến khoản nợ này, đây là số nợ riêng giữa bà E và bà D nên bà E yêu cầu Tòa không triệu tập ông Tsani J vào tham gia tố tụng trong vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ông Tsani Quốc K và lời khai của người đại diện hợp pháp ông K trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Sau khi tìm hiểu từ bà E (mẹ ông K) thì ông K được biết số tiền bà E nợ bà D là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) xuất phát từ tiền nợ vàng, tiền nợ hụi và tiền nợ vay, tiền nợ lãi do bà D ép bà E vay với lãi suất cao để nộp tiền hụi.

Nhận thấy việc nợ của bà E xuất phát từ tiền chơi hụi và tiền vay với lãi suất cao nên khi bà D đến gặp ông K và đề nghị ông K trả nợ thay cho mẹ ông không đồng ý. Khi bà D đề nghị ông K chỉ cần trả số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) thì bà D sẽ xóa hết nợ cho bà E. ông K có xin ý kiến của bà E về đề nghị của bà D và được bà E đồng ý nên ông K đồng ý thay mặt bà E trả số nợ 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) cho bà D.

Ngày 11/10/2015, ông K có viết giấy biên nhận hẹn đến ngày 21/10/2015 sẽ thay mặt bà E để trả số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) cho bà D. Nhưng ngày 15/10/2015 ông K đã trả cho bà D số tiền nói trên và bà D tự nguyện ký vào biên bản xác nhận thanh toán và đồng ý xóa hết nợ cho bà E. Việc bà D xóa nợ cho bà E là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối nên ông K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 247/2017/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tân D về việc buộc bà Lâm Mỹ E phải trả hết một lần cho bà D số tiền là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 26.250.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/07373 ngày 04/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tân D còn phải nộp thêm số tiền án phí là 26.250.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2017 bà Lê Thị Tân D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tranh luận cho rằng việc nguyên đơn ký giấy thỏa thuận ngày 15/10/2015 với ông K là không tự nguyện mà rơi vào thế phải ký để được nhận số tiền trên từ ông K. Do sau đó bà E trở về nên bà D đã thừa bà E ra Ủy ban nhân dân phường. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G bà E thừa nhận việc con bà chỉ mới trả nợ cho bà D thay cho bà là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Trên cơ sở này nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ còn lại là 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận cho rằng: Việc bà D và ông K ký biên bản thỏa thuận ngày 15/10/2015 là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở đề xuất của bà D và được ông K đồng ý sau khi hỏi ý kiến của bà E. Việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng việc bà D ký thỏa thuận ngày 15/10/2015 do bị ép buộc là không đúng, vì lúc này tinh thần bà E không ổn định phải vào Chứa ở trong khi phía bà D thường xuyên cho người đến đòi nợ. ông K con bà E đã trả tiền thay cho bà E và đã được bà D ký xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015 là kể từ sau khi ký giấy này bà E không còn nợ bà D. Do đó, nay bà D lại khởi kiện yêu cầu bà E trả nợ là không có cơ sở. Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Tại giấy biên nhận ngày 11/10/2015 và biên bản xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015, bà Lê Thị Tân D xác nhận phía bà Lâm Thị Mỹ E có mượn của bà D số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và đồng ý việc thanh toán số tiền này đã được hoàn tất và bà E đã thanh toán đầy đủ số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Ngoài ra bà D còn cam kết "...Bên A sẽ không còn thiếu bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào đối với bên B... Bên B đồng ý cam kết chấp nhận số tiền được thanh toán như trên, đồng thời sẽ không truy cứu lại trách nhiệm cho bất kỳ khoản vay nào khác đối với bên A...". Nội dung biên bản trên thể hiện sự thỏa thuận của các đương sự, không trái với quy định pháp luật. Nội dung biên bản này còn thể hiện ý chí tự nguyện của bà D đồng ý nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ông K (con bà E) thay mặt bà E trả cho bà D và đồng ý xóa nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà E. Mặt khác, bà D cho rằng việc bà phải đồng ý nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý xóa số nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà E là do bị ép buộc nhưng phía bà D không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà D bị ép buộc. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn đều xác nhận rằng bà D đã đọc và hiểu rõ nội dung biên bản xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015 rồi mới ký tên và lặn tay vào biên bản, chữ ký và dấu lặn tay trong biên bản này là của bà D, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tân D là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Tân D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – bà Lê Thị Tân D:

Xét thấy, tính đến tháng 10 năm 2015 bà Lâm Thị Mỹ E có nợ của bà Lê Thị Tân D tổng số nợ qui ra tiền VNĐ là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Số nợ này bao gồm nợ vay, nợ hui, tiền lãi phát sinh và nợ vàng. Do bà E không có mặt tại nơi cư trú nên bà D đã liên hệ với ông Tsani Quốc K là con bà

E đề nghị ông K trả nợ thay. Ngày 11/10/2015 giữa bà D và ông K đã ký giấy thỏa thuận ông K sẽ trả nợ cho bà D thay mẹ số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), hạn ngày thanh toán là ngày 21/10/2015.

Căn cứ vào lời khai thống nhất của các bên đương sự, phù hợp với biên bản xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015 thể hiện: Ngày 15/10/2015, ông Tsani Quốc K đã thay mặt bà E trả cho bà D số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này đã được bà D đồng ý nhận (thể hiện tại giấy biên nhận ngày 11/10/2015). Đồng thời, tại nội dung biên bản xác nhận thanh toán ngày 15/10/2015 các bên còn thể hiện: “Kể từ thời điểm hai bên tiến hành ký biên bản này bên A sẽ không còn thiếu bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào đối với bên B cũng như không còn chịu bất kỳ trách nhiệm nào về các khoản vay đối với bên B. Bên B đồng ý cam kết chấp nhận số tiền được thanh toán như trên, đồng thời sẽ không truy cứu lại trách nhiệm cho bất kỳ khoản vay nào khác đối với bên A...”.

Xét nội dung biên bản trên là sự thỏa thuận của các đương sự, không trái với quy định pháp luật. Nội dung này còn thể hiện ý chí tự nguyện của bà D đồng ý nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ông K (con bà E) thay mặt bà E trả cho bà D và đồng ý xóa số nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà E. Ý chí tự nguyện nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ông K để xóa nợ cho bà E còn thể hiện ở việc khi nhận đủ số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ông K và ký vào “Biên bản xác nhận thanh toán” ngày 15/10/2015 với ông K thì bà D không còn giữ bất kỳ bản chính giấy nợ nào kể cả bản chính “Biên bản xác nhận thanh toán” ngày 15/10/2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà D cho rằng cơ sở để bà D kiện bà E trong vụ án này là lời khai của bà E tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G lập ngày 13/6/2016. Tuy nhiên, xét lời khai của bà E tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận G cũng chỉ xác nhận tổng số nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), đã được ông K con của bà trả cho bà D 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và phía bà D đã ký vào biên bản đã nhận đủ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Như vậy, lời khai trên của Phụng cũng chỉ nêu lên sự thật đã diễn ra. Lời khai này không làm thay đổi bản chất sự việc thỏa thuận giữa bà D với ông K như đã phân tích nêu trên. bà E không có bất kỳ lời khai nào đồng ý sẽ tiếp tục trả nợ cho bà D. Đó đó, ý kiến này của người đại diện hợp pháp nguyên đơn không cơ sở chấp nhận.

Việc phía bà D cho rằng bà D phải đồng ý nhận số tiền 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý xóa số nợ 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà E là do bị ép buộc nhưng không có cơ sở để

chứng minh. Do đó, án sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3]. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm là có cơ sở.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm. Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận, căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Tân D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 247/2017/DS – ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tân D về việc buộc bà Lâm Mỹ E phải trả hết một lần cho bà D số tiền là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Tân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/07373 ngày 04/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tân D còn phải nộp thêm số tiền án phí là

26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Tân D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà D đã nộp theo biên lai thu số AG/2014/0005565 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi Cục THA DS Quận G;
- TAND Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa